BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG GTVT III

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0642001 - Auto CAD căn bản | STC : 3(45,0,0,0,0,0) | Lần thi : 2
Lớp : | Năm học : 2013-2014 | Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Nguyễn Thanh	Tài	3544010033	10/02/1993	7,00	4,00	5,50	
2	Lương Thanh	Vinh	3544010106	00/ /1992	4,00	5,00	4,50	
3	Nguyễn Văn	Toàn	3641010370	22/02/1994	,00	,00	,00	CT
4	Trần Triệu	Vĩ	3644010002	15/10/1993	1,00	,00	,50	CT
5	Nguyễn Quốc	Vinh	3644010008	30/08/1994	5,00	6,00	5,50	
6	Nguyễn Hữu	Toàn	3644010017	10/05/1994	4,00	4,00	4,00	
7	Nguyễn Văn	Pháp	3644010033	02/01/1994	4,00	,00	2,00	
8	Phan Thành	Tấn	3644010045	02/02/1994	6,00	8,00	7,00	
9	Vũ Lê Bắc	Nam	3644010075	13/02/1994	,00	,00	,00	CT
10	Dương Văn	Thế	3644010122	06/01/1994	6,00	7,00	6,50	
11	Nguyễn Chí	Công	3644010134	04/01/1993	7,00	,00	3,50	
12	Nguyễn Trần Vương Vũ	Cường	3644010153	25/01/1993	4,00	2,00	3,00	
13	Nguyễn Quốc	Thái	3644010154	23/01/1993	,00	,00	,00	CT
14	Nguyễn Hoàng	Nam	3644010226	20/01/1992	5,00	4,00	4,50	
15	Nguyễn Hữu	Thạnh	3644010251	12/11/1993	3,00	,00	1,50	
16	Huỳnh Thanh	Hiệp	3644010281	11/05/1993	4,00	,00	2,00	
17	Nguyễn Văn	Đông	3644010291	06/10/1994	6,00	5,00	5,50	
18	Võ Hữu	Công	3644010293	05/02/1993	7,00	4,00	5,50	
19	Trần Minh	Toàn	3644010307	20/08/1993	5,00	2,00	3,50	
20	Huỳnh Hoàng	Minh	3644010328	01/09/1993	7,00	,00	3,50	
21	Nguyễn Kim	Bình	3644010338	24/11/1994	6,00	5,00	5,50	
22	Nguyễn Hồng	Thiện	3644010351	16/03/1994	1,00	,00	,50	CT
23	Lê Tấn	Vũ	3644010376	20/07/1994	6,00	5,00	5,50	
24	Đỗ Ý	Trưởng	3644010419	27/05/1993	7,00	2,00	4,50	
25	Nguyễn Văn	Sang	3644010446	25/08/1994	6,00	7,00	6,50	
26	Nguyễn Hữu	Hoàng	3644012000	22/06/1993	1,00	,00	,50	CT
27	Nguyễn Văn	Hoàn	3644012017	19/03/1993	5,00	1,00	3,00	
28	Phan Trọng	Nhựt	3644012113	06/11/1992	4,00	,00	2,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)